Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3214.90.00

Mã HS	3214.90.00
Mô tả hàng hóa	Ma tít để gắn kính, để ghép nối, các chất gắn nhựa (resin cements), các hợp chất dùng để trát, gắn và các loại ma tít khác; các chất bả bề mặt trước khi sơn; các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, dùng để phủ bề mặt chính nhà, tường trong nhà, sàn, trần nhà hoặc tương tự / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 02:04:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32149000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4901
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4901
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4901
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4796
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4757
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4757
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4757
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4757
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4757
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4757
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4801
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4801
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4801
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4801

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4801
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4801
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4799
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4799
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4799
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4799
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4799
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4799
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4799
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4763
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4759
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4759
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4759
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4759
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4759
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4759
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4768
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4768
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4768
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4768
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4768
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4768
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4806
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4806
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4806
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4806

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4806
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4806
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4803
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4803
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4803
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4803
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4803
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4803
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4811
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4811
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4811
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4811
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4811
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4811
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D4782
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E4782
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F4782
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G4782
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H4782
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4782
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D4784
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E4784
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F4784
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G4784
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H4784
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4784

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4782
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4782
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4782
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4782
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4782
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4782
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4782
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4803
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4803
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4803
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4803
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4803
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4803
RCEP B	2022	2022	0	B!D4803
RCEP B	2023	2023	0	B!E4803
RCEP B	2024	2024	0	B!F4803
RCEP B	2025	2025	0	B!G4803
RCEP B	2026	2026	0	B!H4803
RCEP B	2027	2027	0	B!I4803
RCEP C	2022	2022	0	C!D4803
RCEP C	2023	2023	0	C!E4803
RCEP C	2024	2024	0	C!F4803
RCEP C	2025	2025	0	C!G4803
RCEP C	2026	2026	0	C!H4803
RCEP C	2027	2027	0	C!I4803
RCEP D	2022	2022	0	D!D4803

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4803
RCEP D	2024	2024	0	D!F4803
RCEP D	2025	2025	0	D!G4803
RCEP D	2026	2026	0	D!H4803
RCEP D	2027	2027	0	D!I4803
RCEP E	2022	2022	0	E!D4806
RCEP E	2023	2023	0	E!E4806
RCEP E	2024	2024	0	E!F4806
RCEP E	2025	2025	0	E!G4806
RCEP E	2026	2026	0	E!H4806
RCEP E	2027	2027	0	E!I4806
RCEP F	2022	2022	0	F!D4803
RCEP F	2023	2023	0	F!E4803
RCEP F	2024	2024	0	F!F4803
RCEP F	2025	2025	0	F!G4803
RCEP F	2026	2026	0	F!H4803
RCEP F	2027	2027	0	F!I4803
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F4426
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G4426
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H4426
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I4426

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3214.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3214.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4901), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.